

Số: /BC-STC

Hải Dương, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý giá tháng 7 năm 2023

I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

1. Tổng quan tình hình giá cả thị trường

Theo báo cáo giá thị trường của các huyện, thị xã, thành phố, giá cả thị trường hàng hóa và dịch vụ tại Hải Dương tháng 7/2023 tình hình giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu có nhiều biến động; thị trường các mặt hàng thiết yếu trong tháng 7 nhìn chung không có biến động bất thường.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2023 là 100,47%, tăng 0,47% so với tháng 6/2023, tăng 4,73% so với cùng tháng năm 2022.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 06 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, 04 nhóm hàng giảm giá và 01 nhóm có giá ổn định so với tháng trước, cụ thể: 04 nhóm giảm là nhóm hàng đồ uống và thuốc lá 0,04%; May mặc, mũ nón, giày dép 0,04%; Bưu chính viễn thông 0,04%; Văn hóa, giải trí và du lịch 0,4%. Giá vàng tháng này có biến động giảm, giảm 0,23% so với tháng trước; ngược với giá Vàng, giá Đô la Mỹ tháng này có biến động tăng, tăng 0,54% so với tháng trước. Đây là những yếu tố biến động chính tác động đến tình hình giá cả thị trường chung và chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 7/2023.

Biểu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 năm 2023

(theo số liệu của Cục Thống kê Hải Dương)

Mã nhóm hàng	Nhóm hàng	Chỉ số giá so với (%)		
		Tháng trước	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước
	Chỉ số giá chung	100,47	104,73	105,58
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	100,54	100,47	100,21
1	Lương thực	100,08	101,21	101,48
2	Thực phẩm	100,72	99,57	99,74
3	Ăn uống ngoài gia đình	100,00	104,27	101,60
II	Đồ uống và thuốc lá	99,96	101,96	100,88
III	May mặc, mũ nón, giày dép	99,96	102,42	100,07
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	101,11	131,59	132,02

V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,01	101,58	100,58
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	100,04	101,00	100,34
VII	Giao thông	100,10	89,36	100,42
VIII	Bưu chính viễn thông	99,96	100,27	99,83
IX	Giáo dục	100,00	100,61	100,03
X	Văn hoá, giải trí và du lịch	99,60	101,20	101,36
XI	Hàng hoá và dịch vụ khác	103,74	107,41	105,61
	Vàng 99,99%, kiểu nhẫn tròn	99,97	105,26	104,34
	Đô la Mỹ, loại tờ 50-100 USD	100,54	101,32	98,29

2. Diễn biến một số mặt hàng chủ yếu

2.1. Hàng lương thực

Chỉ số giá nhóm hàng lương thực trong tháng 7/2023 là 100,08%, tăng 0,08% so với tháng 6/2023, tăng 1,21% so với tháng 7/2022 và tăng 1,48% so với tháng 12/2022.

Nguyên nhân làm cho chỉ số nhóm lương thực tháng này có xu hướng tăng theo giá gạo xuất khẩu, các quốc gia tích cực thu mua gạo nhằm bảo đảm an ninh lương thực khi hiện tượng El Nino được dự báo sẽ tác động tiêu cực đến hoạt động canh tác nông nghiệp trên toàn cầu. Giá một số mặt hàng phổ biến như sau: gạo tẻ thường (Khang dân hoặc tương đương) dao động từ 13.000-17.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon (Bắc thơm) từ 17.000-23.000 đồng/kg; giá gạo nếp từ 25.000-32.000 đồng/kg.

Giá cả các mặt hàng lương thực khác giá cả về cơ bản ổn định so với tháng 06/2023.

2.2. Hàng thực phẩm

Chỉ số giá nhóm hàng thực phẩm trong tháng 7/2023 là 100,72%, tăng 0,72% so với tháng 6/2023, giảm 0,43% so với tháng 7/2022. giảm 0,26% so với tháng 12/2022.

Nguyên nhân làm cho chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 0,72% so tháng trước là do nhu cầu tiêu dùng tăng. Giá lợn hơi trong tháng biến động tăng, ở mức 56.000đ/kg - 61.000đ/kg. Do đó, giá của các mặt hàng thịt lợn thành phẩm cũng biến động tăng. Giá cả các mặt hàng phổ biến trong tháng cụ thể như sau: thịt lợn mỡ giá 116.000đ/kg-128.000đ/kg; thịt lợn nạc thăn giá 116.000/kg-128.000đ/kg; thịt bò thăn, bò bắp (loại 1) giá 270.000đ/kg - 290.000đ/kg; gà ta còn sống giá 115.000đ/kg-130.000đ/kg.

Giá cả các mặt hàng rau xanh, củ quả trong tháng 7/2023 biến động tăng so với tháng 6/2023 do nhu cầu tiêu dùng tăng cao. Giá các loại rau trong tháng cụ thể như sau: bắp cải trắng giá 15.500đ/kg - 19.000đ/kg; cà chua giá 18.000đ/kg - 25.000đ/kg; bí xanh giá 18.000đ/kg - 23.000đ/kg;...

Các mặt hàng thực phẩm khô, thực phẩm chế biến giá cả về cơ bản ổn định so với tháng 6/2023.

2.3. Hàng tư liệu sản xuất - vật liệu xây dựng

a) Vật tư phân bón

Giá cả các mặt hàng vật tư phân bón về cơ bản diễn biến ổn định, đảm bảo yêu cầu của sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Xăng, dầu

Giá các mặt hàng xăng, dầu trong tháng 7/2023 được điều chỉnh 03 lần, cụ thể:

- Từ 15h00 ngày 03/7/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 20.470 đồng/lít, giảm 400 đồng/lít; dầu Diezel 0,05S-II là 18.160 đồng/lít giảm 10 đồng/lít.

- Từ 15h00 ngày 11/7/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 20.410 đồng/lít, giảm 60 đồng/lít; dầu Diezel 0,05S-II là 18.610 đồng/lít tăng 450 đồng/lít.

- Từ 15h00 ngày 21/7/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 21.630 đồng/lít; dầu Diezel 0,05S-II là 19.500 đồng/lít tăng 890 đồng/lít.

c) Vật liệu xây dựng

Giá cả các mặt hàng vật liệu xây dựng trong tháng 7/2023 tại Hải Dương biến động tăng ở mặt hàng sắt thép, cát đen đổ nền, ống nhựa,... Giá gas đun giảm. Giá một số mặt hàng phổ biến hiện nay như sau:

Thép trơn xây dựng (loại Φ6-8): 15.900đ/kg – 19.000 đ/kg; Cát vàng đổ bê tông: 480.000đ/m³ - 560.000đ/m³; cát đen xây dựng: 190.000đ/m³ - 250.000đ/m³; cát đen san lấp mặt bằng (đổ nền): 170.000đ/m³ - 200.000đ/m³; xi măng đen PCB30 Hoàng Thạch: 90.000đ/bao 50kg.

2.4. Vàng, đô la Mỹ**a) Giá vàng**

Giá vàng tháng 7/2023 giảm theo giá vàng thế giới, chỉ số giá vàng giảm 0,23% so tháng trước; tăng 5,26% so với cùng kỳ năm 2022; bình quân 7 tháng năm 2023 tăng 2,00%. Tính đến ngày 23/7/2023, bình quân giá vàng là 5.644 ngàn đồng/ 1 chỉ và giảm 13 ngàn đồng/1 chỉ so với tháng trước. Hiện nay, giá vàng có giá phổ biến ở mức từ 5.640- 5.650 ngàn đồng/chỉ

b) Đô la Mỹ

Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng này tăng 0,54% so với tháng trước; tăng 1,32% so với cùng kỳ năm 2022; bình quân 7 tháng năm 2023 tăng 2,61%. Giá bình quân của Đô la Mỹ loại tờ (50 - 100 USD) tháng này là 2.379.077 đồng/100USD, tăng 12.873 đồng/100USD so với tháng trước. Hiện nay, giá Đô la Mỹ trên thị trường Hải Dương đang có mức giá giao động từ 2.375.000 - 2.385.000 đồng/100USD

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ THÁNG 7 NĂM 2023

- Thẩm định giá nhà nước làm cơ sở tổ chức mua sắm tài sản công theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Hải Dương.

- Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá các loại VLXD phổ biến tại nơi tiêu thụ tập trung tháng 7 năm 2023 làm cơ sở lập, thẩm tra, điều chỉnh dự toán các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh trong tháng 7 năm 2023.

- Thực hiện các vụ việc về định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

- Xác định giá trị tài sản thanh lý, tài sản không cần dùng của một số cơ quan, đơn vị, tài sản kê biên của các cơ quan pháp luật để bán đấu giá theo quy định; tham mưu, đề xuất phương án điều chuyển tài sản theo nhu cầu sử dụng của các đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

- Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định phương án bồi thường GPMB các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá đất tái định cư, giao đất có thu tiền không thông qua hình thức đấu giá, đơn giá bồi thường về đất theo quy định.

- Một số công việc thường xuyên khác./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Thường trực tỉnh uỷ (để báo cáo) ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Phòng TC- KH các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, QLG-CS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đồng Kim